

Số: 196/BC-UBND

Hương Khê, ngày 15 tháng 6 năm 2022

**BÁO CÁO**  
**Cải cách hành chính 06 tháng đầu năm 2022**

Thực hiện Văn bản số 335/SNV-CCHC&VTLT ngày 04/3/2022 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính năm 2022; UBND huyện Hương Khê báo cáo kết quả cải cách hành chính 06 tháng đầu năm 2022 như sau:

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**

**1. Công tác chỉ đạo, triển khai Kế hoạch CCHC năm 2022**

Ngay từ đầu năm, UBND huyện đã tổ chức Hội nghị tổng kết, đánh giá công tác Cải cách hành chính năm 2021, triển khai nhiệm vụ năm 2022; ban hành Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 14/01/2022 về cải cách hành chính huyện Hương Khê năm 2022; tập trung chỉ đạo, đôn đốc các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã, thị trấn triển khai các nhiệm vụ CCHC theo quy định và thường xuyên phổ cập, chấn chỉnh thông qua các cuộc họp, giao ban, các cuộc làm việc, kiểm tra... Ngoài ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm 2022, UBND huyện đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện<sup>1</sup>, các phòng, ngành được phân công chủ trì thực hiện các lĩnh vực CCHC của huyện đã chủ động tham mưu UBND huyện ban hành các kế hoạch chuyên đề, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn để triển khai đồng bộ, đảm bảo mục tiêu chung đề ra.

Theo chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương, UBND huyện đã phân công cụ thể trách nhiệm cho từng cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ CCHC như: Cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số; 100% cơ quan, đơn vị, địa phương đều ban hành kịp thời kế hoạch cải cách hành chính để triển khai thực hiện, cụ thể hóa các nhiệm vụ công tác cải cách hành chính.

Tiếp tục chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị; UBND các xã, thị trấn căn cứ tình hình thực tế của đơn vị, địa phương triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021-2030; Chương trình hành động thực hiện

---

<sup>1</sup> Quyết định 426/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 về việc thành lập Tổ kiểm tra công vụ và thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các phòng, ban, đơn vị; UBND các xã, thị trấn năm 2022; Văn bản 155/UBND-NV ngày 21/01/2022 V/v siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi nhiệm vụ, công vụ dịp trước, trong và sau tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022; Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 03/3/2022 về kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2022; Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 22/02/2022 về việc khắc phục những tồn tại hạn chế trong CCHC năm 2021; văn bản 682/UBND-NV ngày 19/4/2022 về rà soát, kiến nghị sửa đổi Bộ tiêu chí xác định Chi số CCHC, Văn bản 743/UBND-NV ngày 26/4/2022 về việc cập nhật, đánh giá phần mềm hỗ trợ, theo dõi, đánh giá CCHC; Báo cáo số 118/BC-UBND ngày 20/4/2022 về kết quả thực hiện Đề án tăng cường năng lực đội ngũ Công chức thực hiện công tác CCHC, giai đoạn 2016-2020; các văn bản chỉ đạo, triển khai công tác rà soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4; rà soát văn bản quy phạm pháp luật, theo dõi tình hình thi hành pháp luật; cải cách tài chính công, ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện ISO 9001:2015.

Nghị quyết số 03-NQ/HU ngày 30/3/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện về tăng cường lãnh đạo công tác cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo. Tăng cường mối quan hệ phối hợp của các cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm bảo đảm cho việc quản lý, điều hành công tác cải cách hành chính thống nhất, đồng bộ từ huyện đến cơ sở, phù hợp với tình hình thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ nhân dân, doanh nghiệp.

## **2. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính**

Công tác tuyên truyền CCHC đã được quan tâm, có nhiều hình thức tuyên truyền sáng tạo, phong phú, đặc biệt là phù hợp trong tình hình dịch Covid diễn biến phức tạp trên địa bàn. UBND huyện ban hành Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 13/01/2022 về tuyên truyền công tác cải cách hành chính trên địa bàn huyện năm 2022. 06 tháng đầu năm, Công thông tin điện tử huyện đăng tải 14 tin, bài, phóng sự về CCHC; các đơn vị, địa phương tổ chức tuyên truyền dưới nhiều hình thức như: Xây dựng các bản tin, chuyên mục về cải cách hành chính, thiết kế pa nô và phát hành rộng rãi các tài liệu, tờ gấp tuyên truyền về cải cách hành chính, tham gia các lớp tập huấn, phổ biến và quán triệt các nội dung công tác cải cách hành chính; lồng ghép triển khai tuyên truyền công tác cải cách hành chính thông qua các buổi biểu diễn văn nghệ chào mừng các ngày lễ lớn, các sự kiện đặc biệt của quê hương, đất nước; thường xuyên kịp thời cập nhật các thủ tục hành chính đã được sửa đổi, bổ sung lên Trang thông tin điện tử; niêm yết công khai, minh bạch các thủ tục hành chính tại Trung tâm Hành chính công huyện và Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân có thể tra cứu, tìm hiểu thông tin một cách nhanh nhất.

## **3. Công tác kiểm tra CCHC**

UBND huyện ban hành Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 03/3/2022 về kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2022; thành lập Tổ kiểm tra công vụ và thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính để tổ chức kiểm tra việc triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC và thực hiện nhiệm vụ tại các phòng, ban, đơn vị; UBND các xã, thị.

Mặc dù diễn biến tình hình dịch bệnh Covid những tháng đầu năm rất phức tạp, nhưng UBND huyện đã chỉ đạo quyết liệt công tác kiểm tra CCHC nói riêng và kiểm tra các nội dung khác liên quan nói chung. 06 tháng đầu năm, UBND huyện đã tổ chức 13 cuộc kiểm tra đột xuất việc thực hiện chế độ công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các đơn vị, địa phương<sup>2</sup>, sau kiểm tra đã chỉ đạo chấn chỉnh, khắc phục kịp thời những tồn tại, hạn chế trong thực hiện công tác cải cách hành chính.

Chú trọng việc xây dựng kế hoạch và tổ chức khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện CCHC của đơn vị, địa phương do Đoàn kiểm tra, Hội đồng thẩm định, xác định Chỉ số CCHC của tỉnh, huyện đã chỉ ra trong năm 2021. Đến nay, 100% đơn vị, địa phương đã xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các giải pháp khắc phục.

<sup>2</sup> Các xã: Phúc Đồng, Hương Bình (2), Phú Phong, Thị trấn, Hòa Hải, Hương Long, Hương Trà, Hương Đô, Hương Vĩnh, Phú Gia, Trường THCS Phúc Đồng, THCS Hòa Hải.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

### **1. Cải cách thể chế**

Về xây dựng pháp luật, thẩm định, góp ý VBQPPL: UBND huyện đã góp ý các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh lấy ý kiến: Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ; Thẩm định 03 văn bản quy phạm pháp luật do UBND huyện ban hành.

Về kiểm tra VBQPPL: Để đảm bảo công tác ban hành văn bản QPPL và văn bản hành chính đúng quy định pháp luật, UBND huyện đã thực hiện tự kiểm tra tất cả các văn bản hành chính thông thường do đơn vị ban hành. Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn thường xuyên theo dõi, tự kiểm tra công tác ban hành văn bản của địa phương mình. Kết quả kiểm tra trong 06 tháng đầu năm 2022 HĐND, UBND các xã, thị trấn không ban hành văn bản QPPL, các văn bản hành chính được ban hành thực hiện đúng quy định và không có nội dung chứa quy phạm pháp luật. UBND huyện đã ban hành 03 văn bản QPPL, các văn bản ban hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL: Việc công bố văn bản hết hiệu lực: UBND huyện đã ban hành Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân huyện hết hiệu lực thi hành năm 2021.

Để triển khai công tác theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch 52/KH-UBND ngày 25/3/2022 của UBND huyện về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành trên địa bàn huyện năm 2022; nhờ đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, theo dõi, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện các thủ tục hành chính theo đúng quy định về một cửa, một cửa liên thông đã góp phần nâng cao sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp khi thực hiện TTHC.

### **2. Về cải cách thủ tục hành chính**

Ban hành Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 02/02/2022 về việc rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn huyện năm 2022; Kế hoạch số 45 /KH-UBND ngày 14/3/2022 về việc Kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2022 trên địa bàn huyện. Thường xuyên tiến hành công tác theo dõi, đôn đốc việc thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính; công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, cấp xã, bộ phận chuyên môn của huyện thực hiện cập nhật kịp thời các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, cập nhật và niêm yết công khai toàn bộ các thủ tục hành chính tại bộ phận một cửa và trên cổng thông tin điện tử của huyện; rà soát các quy định hành chính, nghiên cứu đề xuất cải tiến và đơn giản hóa các thủ tục hành chính; tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của cá nhân tổ chức về quy định hành chính; nâng cao năng lực cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính; công tác kiểm tra, giám sát; chế độ thông tin báo cáo. Tiếp tục duy trì nề nếp thực hiện cơ chế một cửa tại Trung tâm Hành chính công huyện, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các xã, thị trấn trong giải quyết các thủ tục hành chính đối với tổ chức, cá nhân đảm bảo đúng quy định.

Kết quả giải quyết TTHC: Từ 15/12/2021 đến ngày 14/03/2022, tổng số hồ sơ TTHC được tiếp nhận và giải quyết trên địa bàn huyện là 15.822 hồ sơ, trong đó:

- Cấp huyện: Số hồ sơ nhận giải quyết là 3.541 hồ sơ, trong đó: Số hồ sơ kỳ trước chuyển qua là 289 hồ sơ, số tiếp nhận trong kỳ (trực tuyến: 837 hồ sơ, liên thông 1.078 hồ sơ; trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính: 95 hồ sơ); Tổng số hồ sơ đã giải quyết là 2.481 hồ sơ, (Trước hạn, đúng hạn 2.481 hồ sơ; quá hạn: Không); đang giải quyết: 60 hồ sơ (đúng hạn: 60; quá hạn: Không).

- Cấp xã: Số hồ sơ nhận giải quyết là 12.281 hồ sơ, trong đó: Số hồ sơ kỳ trước chuyển qua là 87 hồ sơ, số tiếp nhận trong kỳ (trực tuyến: 590 hồ sơ; trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính: 11.604 hồ sơ); Tổng số hồ sơ đã giải quyết là 12.207 hồ sơ, (Trước hạn, đúng hạn 12.207 hồ sơ; quá hạn: Không); đang giải quyết: 26 hồ sơ (đúng hạn: 26; quá hạn: Không).

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy**

Tiếp tục kiện toàn các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp; hướng dẫn việc xây dựng, sửa đổi quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cho 12/12 phòng chuyên môn và các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định<sup>3</sup>; hoàn thiện và phê duyệt bản mô tả từng vị trí việc làm đối với các đơn vị sự nghiệp đã được UBND tỉnh phê duyệt vị trí việc làm; đối với các đơn vị chưa có quyết định phê duyệt của tỉnh tiếp tục chỉ đạo rà soát, xây dựng phê duyệt đảm bảo theo quy định<sup>4</sup>.

Bổ trí số lượng cấp phó các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp theo Thông báo số 43-TB/HU, ngày 15/01/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy<sup>5</sup>.

Giao biên chế năm 2022 cho các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp trực thuộc theo chỉ tiêu tỉnh giao; rà soát, đánh giá chất lượng cán bộ, công chức, viên chức để thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ; đã thực hiện đối với 10 cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ, công chức cấp xã<sup>6</sup>.

Nhìn chung, công tác tổ chức bộ máy được triển khai kịp thời theo các Nghị định số 108/2020/NĐ-CP và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP; việc quy định

<sup>3</sup> Theo nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ, nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi là Nghị định số 120/2020/NĐ-CP) và Kế hoạch số 483/KH-UBND ngày 14/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện và các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP; Văn bản số 232/SNV-XDCQ&TCBC ngày 17/02/2022 của Sở Nội vụ về việc đôn đốc thực hiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và sắp xếp cơ cấu tổ chức các cơ quan, đơn vị

<sup>4</sup> Hoàn thiện, phê duyệt bản mô tả vị trí việc làm: Trung tâm Văn hoá - Truyền thông; Trung tâm GDNN&GDTX huyện, Trung tâm Y tế; Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án vị trí việc làm Trung tâm UDKHKT-BVCTVN huyện. Hoàn thiện đề án vị trí việc làm Ban A, trình cấp tỉnh cho ý kiến để phê duyệt.

<sup>5</sup> Các phòng hiện có 02 cấp phó: Tài chính- Kế hoạch, Kinh tế- Hạ tầng, Giáo dục- Đào tạo; Phòng hiện có 01 cấp phó: Văn phòng HĐND và UBND huyện; Nội vụ, Thanh tra, Tư pháp, Văn hóa- Thông tin, Giáo dục- Đào tạo, Tài nguyên-môi trường, Nông nghiệp-PTNT, Lao động-TBXH; Phòng chưa bố trí cấp phó: Phòng Y tế;

<sup>6</sup> 02 công chức phòng chuyên môn (phòng Nông nghiệp-PTNT và 01 Thanh tra huyện); 05 viên chức (04 giáo dục, 01 viên chức y tế); 03 cán bộ, công chức cấp xã (01 PCT HĐND xã; 02 công chức Địa chính-NN-XD-MT)

chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, địa phương đảm bảo đúng quy định, phù hợp với thực tiễn, không chồng chéo, trùng lặp, không bỏ sót nhiệm vụ góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

#### **4. Cải cách công vụ**

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Kết luận số 29-KL/TU ngày 22/7/2021 của BTV Tỉnh ủy về tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao đạo đức công vụ trong cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; Quyết định số 9849/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND huyện về ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và người hợp đồng lao động; cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang trên địa bàn. Chỉ đạo các đơn vị, địa phương tổ chức cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ký cam kết thực hiện Quyết định số 52/2017/QĐ-UBND ngày 22/11/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định trách nhiệm thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Tiếp nhận, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền theo quy định<sup>7</sup>. Hoàn thành tuyển dụng 16 công chức xã.

Phê duyệt danh sách quỹ tiền lương cho 63 cán bộ, công chức các phòng chuyên môn và 401 cán bộ, công chức cấp xã, 234 viên chức các đơn vị sự nghiệp và 1541 viên chức giáo dục; Phê duyệt quỹ trợ cấp cho 119 cán bộ xã nghỉ việc hưởng chế độ theo Nghị định 130 của Chính phủ. Thực hiện xếp lương, phụ cấp, nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với 305 cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ, công chức cấp xã<sup>8</sup>; giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội cho 11 viên chức giáo dục đến tuổi nghỉ hưu theo quy định.

Thực hiện kịp thời các chế độ, chính sách đối với đội viên Đề án 500 hiện đang công tác trên địa bàn. Xây dựng phương án bố trí, đề xuất tiếp nhận đối với 15 đội viên 500 theo yêu cầu của Sở Nội vụ. Đảm bảo các chế độ, chính sách cho cán bộ nghỉ hưu tham gia công tác hội và giữ các chức vụ chủ chốt trong các hội đặc thù cấp huyện theo Quyết định 3239/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

Ban hành và triển khai kế hoạch đào tạo cán bộ, công chức, viên chức năm 2022. Đăng ký bồi dưỡng QLNN ngạch chuyên viên, chuyên viên chính cho 21 cán bộ, công chức, viên chức; đôn đốc hoàn thiện bổ sung hồ sơ cán bộ, công chức theo quy định; Cử 04 cán bộ, công chức tham gia khảo sát phục vụ xây dựng công cụ đánh giá chất lượng bồi dưỡng CBCCVC. Báo cáo UBND tỉnh, Sở Nội vụ về kết quả thực hiện Đề án tăng cường năng lực đội ngũ Công chức thực hiện công tác CCHC, giai đoạn 2016-2020.

#### **5. Cải cách tài chính công**

<sup>7</sup> Điều động, bổ nhiệm đối với 8 cán bộ tại các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp và 9 viên chức quản lý ngành giáo dục<sup>7</sup>; Luân chuyển 01 Phó Trưởng phòng Lao động-TBXH về tăng cường giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã Hà Linh. Hoàn thành việc tuyển dụng và bố trí công tác đối với 16 chỉ tiêu công chức cấp xã (02 Chỉ huy trưởng BCH Quân sự; 05 tài chính- kế toán; 06 Địa chính-NN-XD-MT và 03 Tư pháp- Hộ tịch)

<sup>8</sup> Xếp lương, phụ cấp cho 07 Chủ tịch Hội CCB cấp xã; Nâng lương thường xuyên: 270 (6 công chức, 157 viên chức; 107 cán bộ, công chức cấp xã). Nâng bậc lương trước thời hạn 35 (02 công chức, 22 viên chức; 11 cán bộ, công chức cấp xã;

Thực hiện đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách; đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập: Thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005, Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, UBND huyện đã thực hiện giao khoán kinh phí hành chính, giao tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị theo quy định. Các đơn vị sau khi chuyển sang cơ chế tự chủ tài chính đã ý thức trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chủ động thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ, nâng cao thu nhập gắn với trách nhiệm từng công chức, viên chức. Các đơn vị sự nghiệp được trao quyền tự chủ đã khuyến khích tính năng động, tính năng động trong việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, tăng thu, tiết kiệm chi, tăng thu nhập cho viên chức, người lao động. Bên cạnh đó UBND huyện đã đẩy mạnh phân cấp quản lý thu, chi ngân sách cho UBND các xã, thị trấn nhằm đảm bảo tính chủ động của các cấp theo đúng Luật Ngân sách.

#### **6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử:**

Hoàn thiện đưa vào vận hành hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin; xây dựng phần mềm quản lý, điều hành phục vụ cải cách hành chính từ huyện đến xã, thị trấn thuộc Dự án Đầu tư hạ tầng CNTT. Đến nay, 100% cán bộ công chức đã có máy tính làm việc; hệ thống đường truyền luôn đảm bảo, thông suốt. Bên cạnh đó, để đảm bảo an toàn cơ sở dữ liệu, các máy vi tính đã được cài đặt phần mềm diệt virus Bkav có bản quyền; Trung tâm Hành chính công huyện, đầu tư các trang thiết bị hiện đại đảm bảo phục vụ tốt cho người dân và doanh nghiệp khi đến giao dịch.

Đối với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, mặc dù trong điều kiện tài chính gặp rất nhiều khó khăn, nhưng đến nay hệ thống trang thiết bị CNTT cơ bản đáp ứng việc ứng dụng CNTT, hoạt động chuyên môn và khai thác thông tin. Đến nay, bộ phận một cửa tại 21 xã, thị trấn có 106 máy tính, 25 máy Scan, 56 máy in, 03 máy photocopy; 21/21 xã, thị trấn đã có hệ thống mạng Lan và kết nối mạng Internet tốc độ cao. Sử dụng có hiệu quả Hệ thống Quản lý văn bản điều hành trong các cơ quan hành chính nhà nước từ huyện đến xã, tạo thành hệ thống liên thông trong việc gửi, nhận và xử lý văn bản điện tử trên địa bàn huyện. Đến nay, 100% các văn bản từ UBND huyện gửi tới 21 xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, trường học trên địa bàn huyện đều thông qua các hệ thống này.

Về dịch vụ công trực tuyến: Ủy ban nhân dân huyện đã công bố 124 thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; trong năm 2022 đã tiếp nhận 13196 hồ sơ, đã xử lý 12391 hồ sơ đạt tỷ lệ 99,8%.

Rà soát triển khai chữ ký số từ các phòng, ban, đơn vị cấp huyện đến 21 xã, thị trấn. Tổ chức 76 lớp đào tạo, tập huấn ứng dụng CNTT trong điều hành tác nghiệp HSCV, khiếu nại tố cáo, quản trị phần mềm cho phòng ban cấp huyện, cấp xã, cơ quan, đơn vị trường học, trạm y tế xã và 01 lớp Dịch vụ công mức độ 3, 4 cho cán bộ lãnh đạo, chuyên môn các phong, lãnh đạo các xã, thị, cán bộ văn phòng phụ trách giao dịch “1 cửa” ...

Chỉ đạo, đôn đốc các phòng ban, đơn vị cập nhật công khai minh bạch đầy đủ thông tin trên Cổng thông tin điện tử huyện. Đến nay đã cung cấp đầy đủ các thông tin theo quy định.

Tiếp tục duy trì cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia theo TCVN ISO 9001:2015 đảm bảo theo các tiêu chuẩn, mục tiêu chất lượng công bố. Hoàn thành xây dựng mở rộng việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN 9001:2015 tại cơ quan UBND huyện và 21 xã, thị trấn.

## **7. Mức độ thu hút đầu tư**

Công khai các thông tin về quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, các quy hoạch ngành, quy hoạch các khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, các dự án về hạ tầng. Kêu gọi, thu hút đầu tư, trong đó ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, hiện đại, có cam kết chuyển giao công nghệ, bảo vệ môi trường, liên kết, hỗ trợ doanh nghiệp, người dân trên địa bàn tham gia chuỗi giá trị sản xuất. Hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư trong công tác giải phóng mặt bằng.

Tập trung chỉ đạo hoàn thiện thủ tục đầu tư và đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình, dự án trên địa bàn, tổng nguồn vốn đầu tư 18 tỷ đồng/259 tỷ đồng, bằng 6,95 % kế hoạch.

## **8. Tỷ lệ Doanh nghiệp thành lập mới**

06 tháng đầu năm, trên địa bàn huyện đã thành lập mới được 25 doanh nghiệp. Triển khai có hiệu quả các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng tại các ngân hàng thương mại.

## **9. Tỷ lệ đóng góp của Doanh nghiệp vào thu ngân sách của địa phương**

Tỉ lệ đóng góp của doanh nghiệp vào thu ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm đạt 16%. Triển khai kịp thời các chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp; tháo gỡ khó khăn vướng mắc, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi để các doanh nghiệp mở rộng đầu tư, sản xuất kinh doanh. Phát huy, nâng cao hiệu quả hoạt động của chợ Huyện.

## **10. Thực hiện thu ngân sách**

Tổng thu ngân sách trên địa bàn là 59.787 tỷ đồng đạt 83% kế hoạch HĐND huyện giao và bằng 100,1% kế hoạch tỉnh giao. Triển khai đồng bộ các giải pháp để tăng thu ngân sách, nhất là thu từ đất, phí, lệ phí, thu khác ngân sách; phấn đấu vượt kế hoạch đề ra; nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động tín dụng, ngân hàng đáp ứng vốn vay hoạt động sản xuất kinh doanh. Chú trọng công tác tuyên truyền, hỗ trợ, tư vấn pháp luật về thuế để các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp nắm bắt và thực hiện kịp thời; thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân trong việc kê khai nộp thuế; công khai minh bạch các chính sách ưu đãi về thuế để mọi người biết để thực hiện; tham mưu thành lập đoàn kiểm tra chống thất thu ngân sách, tổ

chức kiểm tra, rà soát truy thu nợ đọng thuế, xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm chính sách thuế.

Kết quả thực hiện các nhiệm vụ cụ thể đề ra trong kế hoạch CCHC năm 2022  
(Có Phụ lục 1B kèm theo).

## **11. Kết quả, tiến độ khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác CCHC năm 2021**

Tập trung phân tích, làm rõ nguyên nhân, có các giải pháp cụ thể, khả thi, quyết liệt, xác định rõ trách nhiệm nhằm khắc phục kịp thời, đẩy mạnh hiệu quả công tác CCHC và cải thiện nâng cao thứ hạng chỉ số CCHC. Tập trung khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện CCHC của đơn vị, địa phương do Đoàn kiểm tra, Hội đồng thẩm định, xác định Chỉ số CCHC của tỉnh đã chỉ ra trong việc thực hiện CCHC năm 2021. Chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị, các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch khắc phục và triển khai các biện pháp chấn chỉnh, cải thiện chất lượng, hiệu quả trên các nội dung còn tồn tại, hạn chế sau kiểm tra.

*(Có biểu mẫu kết quả, tiến độ khắc phục gửi kèm)*

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Ưu điểm:**

Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC tiếp tục được quan tâm, thực hiện hiệu quả, công tác kiểm tra, giám sát đã được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc. Các nội dung CCHC được tiến hành đồng bộ, đảm bảo tiến độ. Các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, cấp xã đều thực hiện theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 và đưa vào áp dụng mang lại hiệu quả thiết thực trong việc tiếp nhận và trả kết quả đảm bảo kịp thời, khoa học, đúng lộ trình, thời gian theo quy định. Việc tiếp nhận và giải quyết TTHC qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 tiếp tục được đẩy mạnh. Tinh thần, trách nhiệm trong giải quyết các công việc liên quan đến người dân, doanh nghiệp ngày càng nâng cao.

Công tác tuyên truyền về cải cách hành chính được tổ chức thường xuyên dưới nhiều hình thức; Công tác ứng dụng CNTT vào hoạt động tại các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn tiếp tục được quan tâm thực hiện, đảm bảo cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành nhiệm vụ của chính quyền từ huyện đến cơ sở.

### **2. Tồn tại, hạn chế**

Việc triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC ở một số địa phương, đơn vị chưa quyết liệt, chưa bám sát chương trình, kế hoạch để triển khai kịp thời, phương pháp thực hiện thiếu cụ thể, hiệu quả đạt thấp.

Cán bộ, công chức cấp huyện và một số xã thiếu nhiều nên ảnh hưởng đến thực hiện các nhiệm vụ; vẫn còn một số ít cán bộ, công chức, viên chức còn hạn chế về năng lực chuyên môn và chưa đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

Thu hút đầu tư trên địa bàn còn khó khăn. Việc thành lập mới doanh nghiệp còn ít, mức độ đóng góp của doanh nghiệp vào thu ngân sách đạt tỷ lệ còn thấp.



### **3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế**

Cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc một số cơ quan, đơn vị còn thiếu; chưa đáp ứng với yêu cầu công việc. Cán bộ, công chức cấp huyện và một số xã thiếu nhiều nên ảnh hưởng đến thực hiện các nhiệm vụ.

Ứng dụng công nghệ thông tin của người dân còn hạn chế, nhất là trong việc giải quyết TTHC trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

### **III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 06 THÁNG CUỐI NĂM 2022**

1. Tiếp tục triển khai, hoàn thành các nhiệm vụ theo kế hoạch cải cách hành chính năm 2022; nhiệm vụ cải cách hành chính Nhà nước huyện giai đoạn 2021-2030; Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/HU ngày 30/3/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện về tăng cường lãnh đạo công tác cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo. Thường xuyên tự kiểm tra, đánh giá công tác chỉ đạo, điều hành và thực hiện công tác cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị, địa phương; có giải pháp chỉ đạo cụ thể để chấn chỉnh lề lối làm việc, thái độ phục vụ và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức; kiên quyết xử lý nghiêm tình trạng gây có khăn đối với tổ chức, cá nhân khi giải quyết thủ tục hành chính. Chú trọng việc giải quyết kịp thời các thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức, không để xảy ra tình trạng giải quyết trễ hạn.

2. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp về cải cách hành chính. Đổi mới, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền; tăng cường các hình thức thông tin, tương tác với người dân, doanh nghiệp; nâng cao chất lượng, chú trọng tuyên truyền về những giải pháp, lợi ích mà chính quyền cung cấp cho người dân, doanh nghiệp; nêu gương các cá nhân, tổ chức làm tốt công tác cải cách hành chính. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính trong triển khai thực hiện các nội dung cải cách hành chính.

3. Tiếp tục rà soát, kiểm tra, xử lý các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật theo từng lĩnh vực; tăng cường hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

4. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công tác CCHC tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn. Đồng thời chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tăng cường công tác tự kiểm tra kết quả thực hiện các nhiệm vụ CCHC. Tiếp tục tổ chức kiểm tra công vụ, cải cách hành chính, rà soát việc ban hành văn bản QPPL. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo Quyết định số 52/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh. Chỉ đạo các đơn vị, địa phương kịp thời khắc phục những tồn tại hạn chế sau kiểm tra.

5. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số trong hoạt động của cơ quan hành chính nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính.

6. Chỉ đạo nâng cao hiệu quả hoạt động giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Hành chính công huyện, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND các xã, thị trấn; cải thiện chất lượng TCVN ISO 9001: 2015 tại UBND huyện và

các xã, thị trấn. Chú trọng về dịch vụ công mức độ 3, 4 và dịch vụ qua bưu chính công ích trong tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp. Triển khai công tác bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức đang công tác. Trong đó cấp thiết nhất là tập huấn cho đội ngũ công chức làm công tác CCHC và triển khai thực hiện về cơ chế một cửa, một cửa liên thông các xã, thị trấn.

**7. Nâng cao năng lực tham mưu của các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ công chức trực tiếp tham mưu nhiệm vụ cải cách hành chính của các phòng, ngành, địa phương. Bố trí đủ nguồn tài chính và nhân lực cho cải cách hành chính.**

**8. Thực hiện công tác thẩm định, đánh giá kết quả Chỉ số cải cách hành chính tại UBND các xã, thị trấn năm 2022. Đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu trong thực hiện CCHC. Tổ chức tổng kết công tác cải cách hành chính năm 2022.**

Trên đây là báo cáo công tác cải cách hành chính 06 tháng đầu năm 2022; UBND huyện Hương Khê báo cáo Sở Nội vụ và các sở, ngành liên quan theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Sở Nội vụ;
- Các sở: Tư pháp, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Các phòng chuyên môn liên quan;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Quốc Bảo**

**Phụ lục 1B**  
**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**  
*(Ban hành kèm theo Báo cáo số 196/BC-UBND ngày 15/6/2022 của UBND huyện)*

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1</b>	<b>Công tác Chỉ đạo điều hành</b>	<b>Văn bản</b>		
<b>1.1</b>	<b>Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành</b> <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	<b>Văn bản</b>	23	VB trọng tâm
<b>1.2</b>	<b>Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm</b> <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	<b>%</b>	63,4%	
1.2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	41	
1.2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	26	
<b>1.3.</b>	<b>Kiểm tra CCHC</b>			
1.3.1	Số phòng, ban, đơn vị trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	02	
1.3.2	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	11	
1.3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	<b>%</b>	100%	
1.3.3.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	02	
1.3.3.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	02	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.4</b>	<b>Kiểm tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy</b>			
1.4.1	Số cơ quan, đơn vị được kiểm tra	%	0	
1.4.2	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận kiểm tra	%	0	
<b>1.5</b>	<b>Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao</b>			
1.5.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	22	
1.5.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	22	
1.5.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
1.5.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
<b>1.6</b>	<b>Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức</b>	Có = 1; Không = 0	1	
1.6.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	5.125	
1.6.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phiếu = 1 Kết hợp = 2	2	
<b>1.7</b>	<b>Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp</b>	Không = 0 Có = 1	1	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>2</b>	<b>Cải cách thể chế</b>	Văn bản		
<b>2.1</b>	<b>Tổng số VBQPPL<sup>1</sup> do các đơn vị tham mưu HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành hoặc do địa phương ban hành</b>	Văn bản		
2.1.1	Số VBQPPL do đơn vị tham mưu HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành	Văn bản	0	
2.1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	03	
2.1.3	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
<b>2.2</b>	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>			
2.2.1	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	01	
2.2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100%	
2.2.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
<b>2.3</b>	<b>Rà soát VBQPPL</b>			
2.3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản	03	
2.3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100%	
2.3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
2.3.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	

<sup>1</sup> Văn bản quy phạm pháp luật.

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>3</b>	<b>Cải cách thủ tục hành chính</b>			
<b>3.1</b>	<b>Thống kê TTHC</b>			
3.1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
3.1.2	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
3.1.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
3.1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	Thủ tục		
3.1.4.1	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan TW ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>		
3.1.4.2	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan TW ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	256	
3.1.4.3	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan TW ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	114	
<b>3.2</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>			
3.2.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
3.2.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	68	
3.2.3	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	10	
<b>3.3</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100%	
3.3.2.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	2.481	
3.3.2.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	2.481	
3.3.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100%	
3.3.3.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	12.207	
3.3.3.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	12.207	
3.3.4	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100%	
3.3.4.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	
3.3.4.2	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>4</b>	<b>Cải cách tổ chức bộ máy</b>			
<b>4.1</b>	<b>Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy</b>			
4.1.1	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
4.1.2	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
4.1.3	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban		
4.1.4	Số tổ chức liên ngành do UBND tỉnh thành lập để thực hiện các nhiệm vụ thuộc ngành, lĩnh vực được giao	Tổ chức		
4.1.5	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị		
4.1.5.1	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
4.1.5.2	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị		
4.1.5.3	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	80	
4.1.5.4	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	8.75%	
<b>4.2</b>	<b>Số liệu về biên chế công chức</b>			
4.2.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	83	
4.2.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	64	
4.2.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	04	
4.2.4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	07	
4.2.5	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	7,8%	
<b>4.3</b>	<b>Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập</b>			
4.3.1	Tổng số người làm việc được giao	Người	1800	
4.3.2	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1779	
4.3.3	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	5	
4.3.4	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	2.6%	



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>5</b>	<b>Cải cách chế độ công vụ</b>			
<b>5.1</b>	<b>Vị trí việc làm của công chức, viên chức</b>			
5.1.1	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Phòng chuyên môn	12	
5.1.2	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Đơn vị	04	
5.1.3	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
<b>5.2</b>	<b>Tuyển dụng công chức, viên chức</b>			
5.2.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	16	
5.2.2	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.2.3	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
5.2.4	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
5.2.5	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
<b>5.3</b>	<b>Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)</b>	Người	0	
<b>5.4</b>	<b>Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).</b>			
5.4.1	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người		
5.4.2	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.3	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.4	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	03	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>6</b>	<b>Cải cách tài chính công</b>			
<b>6.1</b>	<b>Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công</b>	%	2,3%	
6.1.1	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	167.000	
6.1.2	Đã thực hiện	Triệu đồng	11.690	
<b>6.2</b>	<b>Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)</b>			
6.2.1	Tổng số ĐVSN công lập tại đơn vị, địa phương	Đơn vị	60	
6.2.2	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
6.2.3	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	1	
6.2.4	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	3	
6.2.4.1	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.4.2	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.4.3	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	3	
6.2.5	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	59	
6.2.6	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>7</b>	<b>Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số</b>			
<b>7.1</b>	<b>Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến</b> <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
<b>7.2</b>	<b>Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia/cấp tỉnh</b>	%		
<b>7.3</b>	<b>Số liệu về trao đổi văn bản điện tử</b>			
7.3.1	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương ( <i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử.</i> )	%	97%	Trừ VB mật
7.3.1.1	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%		
7.3.1.2	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%	90%	Trừ VB mật
7.3.1.3	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%	80%	Trừ VB mật
7.3.2	<b>Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh</b>			
7.3.2.1	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%		
7.3.2.2	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	100%	
7.3.2.3	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	100%	
<b>7.4</b>	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>			
7.4.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%		
7.4.1.1	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	122	

7.4.1.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	122	
7.4.1.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	25	
7.4.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%		
7.4.2.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	121	
7.4.2.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	121	
7.4.2.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	25	
7.4.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100%	
7.4.3.1	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	121	
7.4.3.2	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	121	
7.4.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	94,5%	
7.4.4.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	1603	
7.4.4.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	1397	
7.4.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%		
7.4.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)	Thủ tục		
7.4.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục		
<b>7.5</b>	<b>Áp dụng ISO trong hoạt động của đơn vị</b>			
7.5.1	Ban hành các văn bản về ISO	Văn bản	5	
7.5.2	Ban hành, kiểm soát, cập nhật tài liệu hệ thống tại đơn vị:			

7.5.2.1	Ban hành tài liệu hệ thống; Công bố/công bố lại hệ thống; ban hành mục tiêu chất lượng	Quyết định	1	
7.5.2.2	Tổng số quy trình được áp dụng tại đơn vị ( <i>QTNB TTHC; QTNB TTHC giữa các cơ quan HCNN; QTNB khác</i> )	Quy trình	350	
7.5.2.3	Số quy trình được ban hành mới/sửa đổi trong quý/6 tháng/năm	quy trình	5	
7.5.3	Tuyên truyền, tập huấn về ISO hành chính	cuộc/bài/tin	2	
7.5.4	Thực hiện đánh giá nội bộ định kỳ; xem xét lãnh đạo đối với hệ thống	lần	1	
7.5.5	Vận hành và áp dụng quy trình nội bộ trong giải quyết công việc và trong giải quyết TTHC			
7.5.5.1	Số hồ sơ thủ tục hành chính phát sinh trong quý/6 tháng/năm	Hồ sơ	1.603	
7.5.5.2	Số hồ sơ giải quyết công việc phát sinh trong quý/6 tháng/năm	Hồ sơ	1.603	
7.5.5.3	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết TTHC thực hiện đúng quy trình nội bộ	%	100	
7.5.5.4	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết công việc thực hiện đúng quy trình nội bộ	%	100	
7.5.8	Việc sắp xếp, lưu trữ tài liệu hồ sơ, tài liệu	%	99,2	
7.7.9	Kết quả áp dụng ISO 9001 tại các đơn vị, địa phương: ( <i>Các đơn vị trực thuộc, đơn vị thuộc quản lý của ngành (Sở, ban, ngành báo cáo) Các đơn vị, địa phương trên địa bàn (UBND cấp huyện báo cáo)</i> )			
7.7.9.1	Số đơn vị/ địa phương đã áp dụng ISO 9001:2015	Đơn vị	22	
7.7.9.2	Số đơn vị/địa phương triển khai mới trong năm	Đơn vị	22	

